

KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ DỰA VÀO KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

PGS.TS Võ Thành Danh, PGS.TS Lê Nguyễn Đoàn Khôi, PGS.TS Lưu Thanh Đức Hải, PGS.TS Phan Đình Khôi
Trường Đại học Cần Thơ

Theo xu hướng phát triển của thế giới, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST) là các yếu tố quan trọng trong các mô hình tăng trưởng (MHTT) kinh tế. Theo Báo cáo Việt Nam 2035, để đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2035, nền kinh tế Việt Nam cần thực hiện nhiều thay đổi cho phép tạo ra và huy động nguồn lực mới đáp ứng yêu cầu phát triển. Một trong sáu đột phá lớn cần thực hiện là phát triển KH,CN&ĐMST - yếu tố được xem là động lực mới, đóng góp quan trọng vào việc định hình MHTT của kinh tế Việt Nam hiện đại.

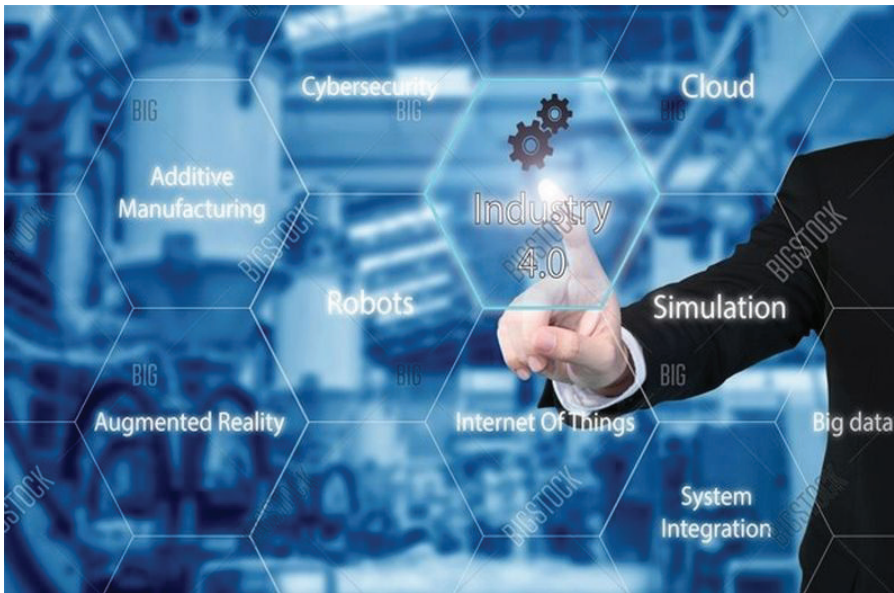
Tăng trưởng kinh tế và vai trò của KH,CN&ĐMST

Có ba tiêu chí được Liên hợp quốc sử dụng để xác định trình độ phát triển kinh tế của một quốc gia. Các tiêu chí này bao gồm: tổng sản phẩm quốc nội (GDP) bình quân đầu người, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phát triển con người (HDI), trong đó tiêu chí GDP bình quân đầu người là nòng cốt. Theo cách phân loại hệ thống kinh tế thế giới, các nước được chia thành hai nhóm: phát triển và đang phát triển. Trong số các nước đang phát triển có những nước chậm phát triển (ba tiêu chí trên ở tình trạng phát triển thấp nhất). Một số nước đang phát triển có những bước tiến đột phá và trình độ phát triển cao hơn như các nước công nghiệp mới (NIC) và các nước khối xuất khẩu dầu mỏ (OPEC). Một số nước thuộc nền kinh tế chuyển

đổi, trong đó có Việt Nam đang trong quá trình phát triển kinh tế thị trường. Nhìn chung, các nước đang phát triển có một số đặc trưng cơ bản: (i) mức sống thấp, (ii) nền kinh tế chịu sự chi phối nhiều bởi nông nghiệp, (iii) tốc độ tăng dân số cao và khả năng bảo đảm các nhu cầu xã hội cho con người thấp, (iv) nền kinh tế phụ thuộc nhiều vào bên ngoài, bao gồm phụ thuộc vào nguồn vốn, công nghệ và thị trường quốc tế. Theo số liệu của Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương - CIEM (năm 2014), thế giới đang xuất hiện những mô hình phát triển mới thay thế cho các mô hình phát triển cũ. Cùng với đó là sự thay đổi trong cơ cấu nền kinh tế trên phạm vi từng quốc gia và toàn thế giới. Các cấu trúc ngành, nghề sẽ chuyển dịch theo hướng thu hẹp và mất dần đi các ngành khai thác, chế biến nguyên liệu truyền thống; xuất

hiện những ngành khai thác, chế biến nguyên liệu mới thích hợp; các ngành dịch vụ sẽ chiếm tỷ trọng lớn nhất và đem lại nhiều lợi nhuận nhất. Các công nghệ mới, xa lộ thông tin, vận tải toàn cầu... đang thu hẹp khoảng cách giữa các quốc gia, đẩy nhanh tốc độ lưu chuyển các yếu tố của hoạt động tái sản xuất kinh tế - xã hội. Đối với Việt Nam, nền kinh tế đang đối diện với không ít khó khăn, thách thức và rào cản, tuy nhiên cũng mở ra những cơ hội và thời cơ mới để chúng ta thay đổi mô hình tăng trưởng kinh tế cho phù hợp với xu hướng chung của kinh tế toàn cầu. Nhìn lại mô hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam từ khi đổi mới đến nay cho thấy những đặc trưng sau:

Một là, tăng trưởng phụ thuộc nhiều vào tăng vốn đầu tư: tổng đầu tư toàn xã hội liên tục tăng mạnh và duy trì ở mức cao.



Phát triển kinh tế dựa vào thành tựu của KH&CN là xu thế tất yếu trong bối cảnh hội nhập và phát triển.

Hai là, hiệu quả đầu tư thấp: đặc biệt là ở khu vực kinh tế nhà nước (nơi nắm giữ tới trên 60% tài sản quốc gia). Đóng góp của năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng của Việt Nam cũng thấp hơn hầu hết các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á. Điều này cho thấy mức độ đóng góp của công nghệ và năng suất lao động (NSLĐ) cho tăng trưởng của Việt Nam còn thấp.

Ba là, NSLĐ thấp và tăng chậm: với mức NSLĐ như hiện nay, Việt Nam còn kém Trung Quốc khoảng 2,6 lần và Thái Lan 4,3 lần.

Bốn là, sức cạnh tranh quốc gia chậm cải thiện: mặc dù đạt được tốc độ tăng trưởng khá cao trong những năm qua, nhưng các báo cáo đánh giá và xếp hạng năng lực cạnh tranh (NLCT) quốc

gia toàn cầu cho thấy, NLCT của Việt Nam chưa được cải thiện.

Năm là, phát triển con người ở Việt Nam chưa tương xứng với tăng trưởng kinh tế: sự lan tỏa của tăng trưởng kinh tế đến các vùng sâu, vùng xa, đến các đối tượng dễ bị tổn thương chưa thật sự mạnh, sự phân hóa giàu nghèo có xu hướng tăng lên.

Thực tiễn cho thấy, khoa học và công nghệ (KH&CN) góp phần rất quan trọng vào thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thông qua tác động đến tổng cung và tổng cầu; các sản phẩm KH&CN đóng góp trực tiếp vào GDP. Sự phát triển của KH&CN có tác động mang tính quyết định đối với tăng trưởng dài hạn và chất lượng tăng trưởng. Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam những năm gần đây bắt đầu giảm dần phụ thuộc vào khai thác tài nguyên, xuất khẩu thô

và mở rộng tín dụng. Chất lượng tăng trưởng được cải thiện rõ nét thể hiện qua tốc độ tăng NSLĐ. Đóng góp của TFP tăng từ 33,6% bình quân giai đoạn 2011-2015 lên khoảng 43,3% trong giai đoạn 2016-2018; giai đoạn 2016-2020 ước đạt 43,5%. Tính chung 10 năm 2011-2020 vượt mục tiêu chiến lược đề ra (35%). Tốc độ tăng NSLĐ bình quân giai đoạn 2011-2015 là 4,3%/năm, giai đoạn 2016-2018 đã tăng lên 5,8%/năm. Đặc biệt năm 2018, tốc độ tăng trưởng kinh tế cao kỷ lục trong 10 năm, đạt trên 7% nhưng tăng trưởng tín dụng chỉ đạt dưới 14% so với mức 17-18% của các năm trước đó. Những số liệu này cho thấy, nền kinh tế Việt Nam đang có sự chuyển dịch về MHTT và sự thăng tiến về chuỗi giá trị. Có thể khẳng định rằng, KH&CN đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, đóng góp đáng kể cho tăng trưởng và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Bên cạnh đó, chỉ số ĐMST toàn cầu (GII) của Việt Nam những năm gần đây liên tục tăng cao, dẫn đầu nhóm quốc gia có thu nhập trung bình thấp. Năm 2021, Việt Nam xếp thứ 44/132 quốc gia/nền kinh tế về GI. Đặc biệt, Việt Nam được ghi nhận có kết quả nổi bật với mức tăng hạng mạnh mẽ trong cải thiện trụ cột trình độ phát triển thị trường kinh doanh và các chỉ số tín dụng cũng như quy mô phát triển cụm công nghiệp... Trong nhóm chỉ số về liên kết ĐMST, chỉ số hợp

Diễn đàn Khoa học và Công nghệ

tác đại học - doanh nghiệp trong nghiên cứu và phát triển tăng 31 bậc (từ 65 lên 34). Chỉ số quy mô phát triển cụm công nghiệp tăng 25 bậc (từ 42 lên 17). Ngoài ra, một số chỉ số đã có thứ hạng cao vẫn tiếp tục cải thiện trong GI 2021, như chỉ số giá trị vốn hóa các công ty niêm yết (% GDP) tăng 1 bậc (từ hạng 32 lên 31); chỉ số dòng vốn ròng đầu tư trực tiếp nước ngoài (% GDP) tăng 3 bậc (từ hạng 19 lên 16). Các chỉ số về xuất nhập khẩu công nghệ cao tiếp tục giữ vững thứ hạng cao. Chỉ số đầu vào nhập khẩu công nghệ cao (% tổng giao dịch thương mại) tăng 1 bậc (từ 4 lên 3) và chỉ số đầu ra xuất khẩu công nghệ cao (% tổng giao dịch thương mại) tăng 1 bậc (từ 2 lên 1)... Một số tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam đã rất quan tâm đầu tư cho KH,CN&ĐMST và đã đạt được những kết quả tương xứng. Điều này khẳng định tăng trưởng cao và tăng trưởng bao trùm vừa qua có đóng góp rất quan trọng của KH,CN&ĐMST.

Một số khuyến nghị về chính sách

Trong xu thế phát triển, đầu tư cho KH,CN&ĐMST được xem là động lực dài hạn thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, trong đó KH&CN đóng vai trò quyết định. Để nâng cao năng lực ĐMST một cách bền vững, phải có các giải pháp căn cơ, lâu dài, có sự tham gia phối hợp của cả hệ thống chính trị mà trọng tâm là đưa hệ thống ĐMST quốc gia lên một mức phát triển mới. Trong đó, KH,CN&ĐMST

thực sự trở thành trụ cột của tăng trưởng kinh tế. Để làm được điều đó, cần chú trọng thực hiện các định hướng sau:

Thứ nhất, chuyển đổi nhanh MHTT từ chiều rộng (sử dụng nhiều nguồn lực) sang MHTT theo chiều sâu (sử dụng hiệu quả nguồn lực) và đồng thời xây dựng MHTT dựa trên sự sáng tạo với KH,CN&ĐMST là động lực tăng trưởng chính.

Thứ hai, xây dựng lộ trình cụ thể phát triển KH,CN&ĐMST, trong đó 2 mục tiêu hiệu quả và công bằng được định vị, hoán vị theo các giai đoạn khác nhau để tập trung nguồn lực đầu tư cho KH,CN&ĐMST và phổ biến kết quả cho toàn nền kinh tế; ưu tiên cho những ngành, lĩnh vực có giá trị gia tăng cao.

Thứ ba, phát triển thị trường KH,CN&ĐMST theo quan điểm lấy thị trường công nghệ làm nền tảng để KH&CN về lâu dài sẽ tạo ra nguồn lực phát triển thay thế dần nguồn lực đầu tư công cho KH&CN.

Thứ tư, xây dựng kết cấu hạ tầng KH&CN như mạng thông tin, phát triển các công nghệ nguồn, công nghệ mới, hệ thống cung cấp dịch vụ tư vấn KH,CN&ĐMST, khởi nghiệp cho doanh nghiệp...

Thứ năm, xây dựng chính sách phát triển KH,CN&ĐMST gắn với tất cả các chính sách phát triển kinh tế, các chương trình/dự án phát triển, các chính sách ưu tiên phát triển của các ngành

kinh tế chủ lực cần có hàm lượng KH,CN&ĐMST cao.

Thứ sáu, xây dựng chính sách về tạo lập môi trường khởi nghiệp ĐMST, thu hút các doanh nghiệp KH&CN đầu tư cho ĐMST, khởi nghiệp; chính sách liên kết giữa các tổ chức KH&CN với doanh nghiệp, các trung tâm KH&CN quốc gia và cấp vùng. Đặc biệt, có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực KH,CN&ĐMST, nhất là các doanh nghiệp KH&CN trong những lĩnh vực ưu tiên của nền kinh tế như công nghiệp, nông nghiệp, du lịch, logistics...

*
* *
*

Trong xu thế phát triển của thế giới, các quốc gia đang có nhiều cơ hội được chia sẻ và tận dụng các thành tựu của KH&CN với các công nghệ mới, phương thức sản xuất mới, mô hình kinh doanh mới... Nhiều năm qua, Việt Nam đã coi KH&CN giữ vai trò then chốt trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và nhiều chính sách phát triển KH&CN đã được triển khai. Để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững trong thời gian tới, KH,CN&ĐMST cần được xem là nguồn lực đặc biệt quan trọng trong MHTT mới, giúp Việt Nam đạt được các mục tiêu phát triển tốt hơn ✍